

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-6-2019  
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Với thành phần hội đồng xét sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Chu Thị Thu Hà

**Các hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều;
2. Ông Phạm Xuân Đính.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXX-ST ngày 24/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm: 1977, địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 3B, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước (*Có mặt*)

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Tuyết Tr, sinh năm: 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 3B, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước (*Xin vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 03 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H trình bày:*

Ông Huỳnh Ngọc H và bà Huỳnh Tuyết Tr chung sống với nhau vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Khi chung sống cả hai còn độc thân, chưa có vợ có chồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Tổ 03, ấp 3B, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không còn tình cảm với ông H nên bà Tr bỏ đi, vợ chồng tự sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với bà Huỳnh Tuyết Tr để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 2 con chung Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 2000 và Huỳnh Ngọc Ph, sinh năm: 2007, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

***Bị đơn bà Huỳnh Tuyết Tr có yêu cầu phản tố ngày 25 tháng 4 năm 2019, trong bản tự khai đã trình bày:***

Bà Huỳnh Tuyết Tr thống nhất với trình bày của ông H về thời gian chung sống. Theo bà Tr thì bà chung sống với ông H từ năm 1998 hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên đã tự sống ly thân từ năm 2011 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà Tr cũng đồng ý.

Về con chung: Bà Tr thống nhất, quá trình chung sống vợ chồng có 2 con chung Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 2000 và Huỳnh Ngọc Ph, sinh năm: 2007. Đồng thời, bà Tr có yêu cầu phản tố, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 09/4/2007, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với cháu Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 2000 đã trên 18 tuổi, bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tr đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 09/4/2007, mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu nào khác. Ông H đồng ý yêu cầu phản tố của bà Tr, giao con chung Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 09/4/2007 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng nhưng ông H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với cháu Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 2000 đã trên 18 tuổi, ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Tuyết Tr vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS 2015;

Về việc tuân theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tòa án là đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm;

Việc tuân theo quy định pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 71,72 BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 11, 12 Luật Hôn

nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP về án phí lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận Huỳnh Ngọc H và bà Huỳnh Tuyết Tr là vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 09/4/2007 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng nhưng ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do ông Huỳnh Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Huỳnh Tuyết Tr, có nơi cư trú và sinh sống tại: Tổ 3, ấp 3B, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Tuyết Tr vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Tr theo quy định tại điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc H và bà Huỳnh Tuyết Tr tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1998, khi về chung sống với nhau cả hai còn độc thân, hai bên đã đủ tuổi kết hôn, khi chung sống hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay bị lừa dối và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Tuy nhiên, ông H và bà Tuyết không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của ông Huỳnh Ngọc H và bà Huỳnh Tuyết Tr là không hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà Tr bỏ nhà đi, vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Bà Tr cũng thống nhất vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2016 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nên ông H yêu cầu ly hôn bà Tr cũng đồng ý. Tuy nhiên, do ông H và bà Tr chung sống với nhau không làm thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông H và bà Tr là không hợp pháp. Do đó, việc thuận tình ly hôn giữa ông H, bà Tr không được ghi nhận mà cần căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Ngọc H và Huỳnh Tuyết Tr là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà Tr đã thống nhất giao con chung Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 09/4/2007 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, ông H cũng không thay đổi ý kiến nên cần chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Tr, giao con chung Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày

09/4/2007 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Phúc đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Tr cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra đề Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà Nhung thống nhất trình bày không vay nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định. Đối với án phí cấp dưỡng nuôi con: do ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Bà Huỳnh Tuyết Tr không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét thấy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận ông Huỳnh Ngọc H và bà Huỳnh Tuyết Tr là vợ chồng và ông H phải nghĩa vụ chịu án phí; Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, giao con chung Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 09/4/2007 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 08, 09, 14, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 264, điều 266, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc H. Tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Ngọc H và bà Huỳnh Tuyết Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Tuyết Tr, giao con chung Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 09/4/2007 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông Huỳnh Ngọc H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009961 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành hoàn trả cho bà Huỳnh Tuyết Tr số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003524 ngày 26/4/2019

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh – VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M,  
huyện Ch, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu HS+VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hà**